

Số 23/2024/QĐST- HNGĐ

N, ngày 10 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024 về việc Ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị H, sinh năm 1981.

Trú tại: thôn Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh N.

- **Bị đơn:** anh Vũ Ngọc L, sinh năm 1987.

Trú tại: số nhà 04/594, đường 30/6, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Lê Thị H và anh Vũ Ngọc L không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Lê Thị H và anh Vũ Ngọc L không đề nghị Tòa giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị H và anh Vũ Ngọc L thống nhất thỏa thuận chị H nộp toàn bộ án phí ly hôn. Số tiền án phí chị H phải nộp là 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

BLTU/23 số 0000261 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Chị H được hoàn trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trở lời hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND TP. N (3).
- CCTHADS TP. N (1).
- UBND phường, xã.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Bích Thủy